CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI MỨC SẴN LÒNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

Bùi Thị Minh Nguyệt[1], Trương Tất Đơ[2], Đoàn Thị Hân[1], Nguyễn Thị Thanh Huyền[1], Nguyễn Thùy Dung[1], Đào Thị Hồng[1]

[1]*Trường Đại học Lâm nghiệp*

[2]*Tổng cục Lâm nghiệp*

TÓM TẮT

Rừng có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội của từng quốc gia, không phải chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà với cả các lĩnh vực trong xã hội, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển rừng nói chung và phát triển rừng sản xuất (RSX) nói riêng đang có những khó khăn nhất định trong hoạt động huy động các nguồn lực tài chính. Trong thời gian vừa qua, tỉnh Hòa Bình đã huy động được một số nguồn lực để thực hiện phát triển rừng sản xuất, nhưng kết quả còn quá nhỏ so với nhu cầu thực tiễn. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sẽ tìm hiểu, phân tích thực trạng huy động nguồn lực tài chính, đưa ra các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả huy động tài chính cho phát triển rừng sản xuất, xác định được những thành công và tồn tại trong thời gian vừa qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp thực hiện huy động có hiệu quả các nguồn lực tài chính thực hiện phát triển rừng sản xuất cho tỉnh Hòa Bình và cho các địa phương khác trong cả nước.

Từ khóa: Phát triển rừng sản xuất, rừng sản xuất, tài chính.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Rừng giữ vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế - xã hội của từng quốc gia, đặc biệt trong việc giảm thiểu tác hại của thiên tai và ứng phó tích cực với biến đổi khí hậu. Những vai trò của rừng đóng góp quan trọng cho quá trình xây dựng một nền kinh tế xanh, hướng tới phát triển bền vững. Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển lâm nghiệp nói riêng, đặc biệt là phát triển các loại rừng sản xuất đều có nhu cầu lớn về nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính. Ở nước ta, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi cho phát triển lâm nghiệp, đặc biệt là các chính sách về tài chính nhưng do đặc thù của nước ta diện tích đất rừng là tương đối lớn nên ngoài các nguồn vốn từ ngân sách thì phải có sự chung tay góp sức của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Trong nghiên cứu ***"Giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho phát triển rừng sản xuất ở Việt Nam: Trường hợp nghiên cứu điểm tại tỉnh Hòa Bình"*** sẽ phân tích một cách toàn diện về thực trạng huy động tài chính cho phát triển rừng sản xuất giai đoạn hiện nay, tìm ra những nhân tố ảnh hưởng huy động tài chính cho phát triển rừng sản xuất từ đó đưa ra các giải pháp huy động tài chính cho phát triển rừng sản xuất ở Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Cơ sở lý luận và thực tiễn về huy động nguồn lực tài chính cho phát triển rừng sản xuất.
- Thực trạng huy động nguồn lực tài chính cho phát triển rừng sản xuất ở tỉnh Hòa Bình thời gian vừa qua.
- Nhân tố ảnh hưởng đến sự sẵn lòng tham gia đóng góp nguồn lực tài chính cho phát triển rừng sản xuất tại tỉnh Hòa Bình.
- Đề xuất những giải pháp huy động nguồn lực tài chính cho phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình và Việt Nam giai đoạn tiếp theo.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu khảo sát

Để thực hiện đề tài, dựa vào vị trí địa lý và các đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Hòa Bình, tác giả chọn 2 huyện để thực hiện khảo sát thực tế là Kim Bôi và Đà Bắc. Tiêu chí lựa chọn, do tỉnh Hòa Bình chia thành 2 khu vực vùng núi cao Tây Bắc và vùng núi thấp và đồi phía Đông Nam. Nhóm tác giả tiến hành lựa chọn mỗi khu vực một huyện để khảo sát, trong đó: Vùng núi cao Tây Bắc (chọn Đà Bắc để tiến hành khảo sát nghiên cứu); Vùng núi thấp và đồi phía Đông Nam (chọn Kim Bôi để tiến hành khảo sát nghiên cứu).

2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin tài liệu

* *Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp*

Thu thập nguồn thông tin từ các Sở, Ban ngành có liên quan như Sở NN&PTNT, KH&ĐT, Cục Thống kê... các đề tài nghiên cứu khoa học, các bài báo khoa học, các báo cáo... Ngoài ra còn thu thập thông tin từ các nguồn sách báo, tạp chí và qua mạng internet...

* *Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu sơ cấp*:

Các số liệu, tài liệu sơ cấp được thu thập chủ yếu qua điều tra, khảo sát theo các phiếu phỏng vấn và bảng hỏi chuẩn bị sẵn. Tác giả thực hiện khảo sát qua 120 phiếu phỏng vấn chuẩn bị sẵn với các đối tượng có liên quan trực tiếp đến quản lý rừng sản xuất tại tỉnh Hòa Bình. Theo Hair và cộng sự (1998), quy luật cho kích thước mẫu tối thiểu trong phân tích nhân tố khám phá xác định theo công thức: n = 5*m (Trong đó: n là dung lượng mẫu tối thiểu, m là số biến quan sát). Vậy theo nghiên cứu, có 19 biến thì số mẫu tối thiểu theo công thức là 5*19 = 95 mẫu. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát nhóm tác giả đã thực hiện xin ý kiến, trả lời câu hỏi của 120 người.

2.2.3. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

* *Phương pháp xử lý số liệu:* Các số liệu thu thập được xử lý bằng các phương pháp tổng hợp, phân tổ thống kê, tính toán các chỉ tiêu và thông số thông qua sử dụng chương trình Excel trong Microsoft Office và phần mềm SPSS 23.

Bảng 1. Bảng các biến trong mô hình nghiên cứu

TT	Chỉ tiêu	Ký hiệu biến
A	***Chế độ chính sách ưu đãi, khuyến khích của Nhà nước với phát triển rừng sản xuất***	***CD***
1	Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi, mang lại lợi ích cho các đối tượng đầu tư phát triển rừng sản xuất	CD1
2	Nhà nước có các chính sách hỗ trợ cho quá trình đầu tư của các đối tượng để phát triển RSX như hạ tầng, tiêu thụ sản phẩm, kỹ thuật, cây con…	CD2
3	Nhà nước hỗ trợ đầu tư vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng… có đầu tư cho phát triển rừng sản xuất	CD3
4	Chính quyền địa phương có cách chính sách hỗ trợ kịp thời các đối tượng sẵn lòng tham gia đóng góp, đầu tư cho phát triển RSX	CD4
B	***Lợi thế khi đầu tư phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình***	LT
1	Tỉnh Hòa Bình đang có nhiều chính sách hỗ trợ đối với các hoạt động đầu tư vào phát triển RSX	LT1
2	Hệ thống cơ sở hạ tầng đã và đang được hoàn thiện	LT2
3	Các sản phẩm tạo ra có thị trường tiêu thụ lớn và dễ tiêu thụ	LT3
4	Nhận được sự hỗ trợ về kỹ thuật từ các cơ quan chuyên môn	LT4
5	Có nhiều cơ sở sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ ở địa phương	LT5
6	Các thủ tục cho việc đầu tư, đóng góp đơn giản, thực hiện nhanh chóng	LT6
C	***Các chi phí đầu vào khi đầu tư phát triển RSX ở Hòa Bình***	CP
1	Có thể tận dụng được nguồn lao động dồi dào ở tại các khu vực đầu tư	CP1
2	Các chi phí vận chuyện có liên quan giảm so với một số địa phương khác	CP2
3	Dễ dàng thu hút nguồn lao động có trình độ kỹ thuật cao	CP3
D	***Nội lực của các nhà đầu tư***	NL
1	Nghiên cứu, phân tích, tìm hiểu và có khả năng đầu tư để phát triển RSX ở Hòa Bình	NL1
2	Xác định mục tiêu đầu tư vào phát triển RSX	NL2
3	Các nhà đầu tư có kiến thức hoặc đã có hiểu biết nhất định về các vấn đề phát triển RSX	NL3
E	***Mức sẵn lòng đầu tư chung***	Y
1	Tôi/chúng tôi sẵn sàng đầu tư tài chính cho phát triển RSX	Y1
2	Tôi/ chúng tôi có được lợi nhuận đầu tư	Y2
3	Tôi/chúng tôi hài lòng về đầu tư vào phát triển RSX tại địa phương	Y3

Nguồn: Nhóm nghiên cứu

* *Phương pháp phân tích số liệu:* Phương pháp thống kê mô tả, phương pháp thống kê so sánh, phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA.

Trên cơ sở tổng hợp các phiếu khảo sát, số liệu sẽ được kiểm định qua một số bước như Kiểm định Cronbach Anpha… sau đó tiến hành thiết lập tương quan tuyến tính để xác lập tương quan giữa mức sẵn lòng tham gia, đóng góp của các đối tượng (biến phụ thuộc) với các yếu tố ảnh hưởng (các biến độc lập). Việc xác định bốn yếu tố ảnh hưởng lớn được thực hiện dựa trên quá trình khảo sát thực tế, hỏi những người có kinh nghiệm về vấn đề phát triển rừng sản xuất ở các địa phương. Các yếu tố ảnh hưởng (biến độc lập) được thể hiện qua bảng 1.

Tương quan tuyến tính biểu hiện mối quan hệ này có dạng:

$$Y = B + a_1CD_1 + a_2CD_2 + \ldots + a_iNL_3$$

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm ngành lâm nghiệp tỉnh Hòa Bình

a. Thực trạng rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh Hòa Bình

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp trong quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh Hòa Bình là 340.137,96 ha; bao gồm 40.534,3 ha quy hoạch cho đặc dụng, 133.297,44 ha quy hoạch cho phòng hộ, 166.306,22 ha quy hoạch cho sản xuất. Diện tích rừng của tỉnh Hòa Bình năm 2006 và 2016 được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng rừng và đất lâm nghiệp năm 2006 – 2016 tỉnh Hòa Bình

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất, loại rừng	Năm 2006	Năm 2016	Chênh lệch
	Diện tích rừng và đất lâm nghiệp	**327.097,50**	**340.137,96**	**13.040,46**
1	**Đất rừng đặc dụng**	**28.936,00**	**40.534,30**	**11.598,30**
a	Đất có rừng	24.754,50	34.596,31	9.841,81
b	Đất chưa có rừng	4.182,40	5.937,99	1.755,59
2	**Rừng phòng hộ**	**207.477,50**	**133.297,44**	**-74.180,06**
a	Đất có rừng	138.217,30	101.940,87	-36.276,43
b	Đất chưa có rừng	69.260,20	31.356,57	-37.903,63
3	**Đất rừng sản xuất**	**90.684,00**	**166.306,22**	**75.622,22**
a	Đất có rừng	44.052,90	90.824,57	46.771,67
b	Đất chưa có rừng	46.631,10	75.481,65	28.850,55

Nguồn: Sở Nông nghiệp&PTNT Hòa Bình.

Qua bảng 2 cho thấy, diện tích đất rừng sản xuất tăng mạnh giai đoạn 2006 - 2016, đất rừng phòng hộ giảm. Theo báo cáo của Sở NN&PTNT tỉnh Hòa Bình đến cuối năm 2016, diện tích có rừng là 227.361,75 ha (bao gồm 150.554,76 ha rừng tự nhiên, 76.806,99 ha rừng trồng), diện tích đất chưa có rừng là 112.776,21 ha. Diện tích đất chưa có rừng lớn, đặc biệt là đất quy hoạch rừng sản xuất của rừng sản xuất đang còn nhiều đòi hỏi sự đầu tư để phát triển trong thời gian tới (Hình 1).

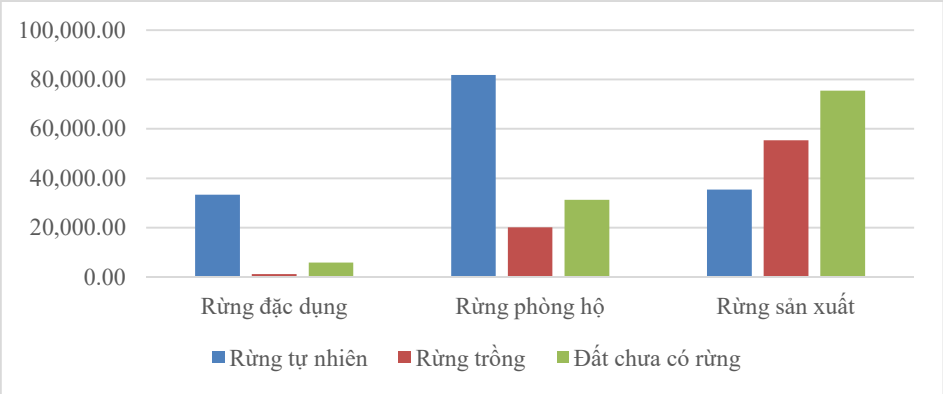

Hình 1. Diện tích rừng và đất rừng tỉnh Hòa Bình năm 2016

Diện tích rừng trồng tăng dần qua các năm là do tỉnh đã có nhiều chính sách khuyến khích bảo vệ và phát triển rừng như: Các chính sách hưởng lợi từ rừng; chính sách vay vốn phát triển vùng nguyên liệu, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm lâm sản. Cùng với đó, nhiều dự án được triển khai như: Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; phát triển rừng nguyên liệu, rừng phòng hộ lồng ghép với các Chương trình 472, 135, chính sách xóa đói giảm nghèo, vay vốn ưu đãi để trồng rừng từ nguồn vốn Trung ương, ngân sách địa phương, vốn tín dụng tạo điều kiện cho người dân phát triển kinh tế rừng, gắn bó với rừng.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có 04 BQL rừng đặc dụng thuộc chi cục Kiểm lâm quản lý, 01 BQL rừng phòng hộ rất xung yếu lòng hộ sông Đà, 01 Công ty lâm nghiệp Hoà Bình thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam với 7 lâm trường. Nghề rừng của Hoà Bình phát triển khá hàng năm diện tích trồng mới và trồng lại đạt từ 7.000 đến 9.000 ha.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp đã giao, cho thuê, cho các cơ quan hoặc tổ chức quản lý là 340.137,96 ha. Đối tượng được giao cho thuê là các ban quản lý, người dân, doanh nghiệp (Bảng 3).

Bảng 3. Tình hình giao đất giao rừng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình năm 2016

Đơn vị tính: ha

TT	Nội dung	Tổng DT rừng và đất lâm nghiệp		Đất có rừng			Đất chưa có rừng
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Tổng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
	Tổng	**347.488,13**	**100**	**234.478,41**	**152.531,62**	**81.955,79**	**113.000,72**
	Trong đó: Diện tích rừng ngoài lâm nghiệp	*7.350,17*	2,12	*7.125,28*	*1.976,86*	*5.148,42*	*224,89*
1	BQL rừng ĐD	40.530,60	11,66	34.592,61	33.329,96	1.262,65	5.937,99
2	BQL rừng PH	2.410,72	0,69	2.166,03	1.656,52	509,51	244,69
3	Doanh nghiệp NN	11.197,72	3,22	6.226,77	1.469,46	4.757,31	4.970,95
4	DN ngoài QD	2.144,15	0,62	660,50	406,99	253,51	1.483,65
5	DN 100% vốn nước ngoài	68,13	0,02	43,92	32,07	11,85	24,21
6	Hộ gia đình, cá nhân	141.916,58	40,84	91.753,66	38.871,25	52.882,41	50.162,92
7	Cộng đồng	49.922,10	14,37	41.553,21	35.321,00	6.232,21	8.368,89
8	Đơn vị vũ trang	615,14	0,18	104,22	0,63	103,59	510,92
9	Các tổ chức khác	383,92	0,11	190,08	120,39	69,69	193,84
10	UBND	98.299,07	28,29	57.196,41	41.323,35	15.873,06	41.102,66

Nguồn: Sở Nông nghiệp&PTNT Hòa Bình.

Qua bảng 3 cho thấy, diện tích rừng của tỉnh Hòa Bình được quản lý bởi nhiều đơn vị, đối tượng khác nhau nhưng chủ yếu do Hộ gia đình, cá nhân (141.916,58 ha). Diện tích do UBND quản lý vẫn còn tương đối lớn so với tổng diện tích rừng.

b. Tình hình phát triển rừng sản xuất tỉnh Hòa Bình

Trong giai đoạn từ năm 2014 - 2016, diện tích rừng trồng sản xuất mới trong giai đoạn 2014 - 2016 tỉnh Hòa Bình tăng cao nhất trong 3 loại rừng. Theo niên giám thống kê năm 2016, diện tích rừng trồng là rừng sản xuất tăng thêm 13.882 ha. Diện tích rừng trồng tăng chủ yếu là rừng sản xuất. Trong quá trình phát triển rừng sản xuất, ngoài việc chuẩn bị các điều kiện thực hiện các hoạt động trồng rừng, tỉnh đã quan tâm đến phát triển các các nhà máy sản xuất, chế biến lâm sản và thị trường đầu ra. Huy động các nguồn lực để hỗ trợ về giống, kỹ thuật… thực hiện bảo vệ và phát triển rừng sản xuất.

Giá trị sản xuất lâm nghiệp năm 2016 của tỉnh Hòa Bình thể hiện qua bảng 4. Trong tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp thì giá trị rừ khai thác gỗ và lâm sản là rất lớn, đạt 894.892 triệu đồng vào năm 2016.

Bảng 4. Giá trị sản xuất lâm nghiệp Hòa Bình năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Trồng và chăm sóc rừng	92.419
2	Khai thác gỗ và lâm sản khác	894.892
3	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	46.945
4	Dịch vụ lâm nghiệp	15.963
	Tổng	**1.050.219**

Nguồn: Niên giám thống kê Hòa Bình năm 2017.

Một số huyện như Lạc Thủy, Mai Châu, Tân Lạc, Lạc Sơn đã xác định được thế mạnh từ kinh tế đồi rừng, đã trồng một số cây trồng thích hợp đem lại hiệu quả kinh tế cao như: Luồng, Lát, Keo, Lim... Năm 2014, toàn tỉnh khai thác 2.500 - 3.000 ha rừng trồng với sản lượng khoảng 135.000 m^3, 12 triệu cây tre, nứa.

Năm 2017, các địa phương trong tỉnh trồng được 7.528 ha rừng tập trung, 220 nghìn cây phân tán, vượt 5,5% kế hoạch năm. Theo số liệu thống kê năm 2016, tỉnh Hòa Bình có độ che phủ rừng là 51,2%.

Để nâng cao hiệu quả trồng rừng kinh tế, ngành nông nghiệp tỉnh hướng dẫn nông dân áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh. Nhiều hộ ở các huyện Tân Lạc, Lạc Thủy, Kim Bôi trồng các giống Keo lai, cây phát triển tốt, bộ rễ phát triển, không bị cụt ngọn, không bị sâu bệnh, cây sinh trưởng mạnh gấp 1,5 - 2 lần giống keo cũ tại địa phương; tăng năng suất lên 20% so với các giống đại trà.

3.2. Tình hình huy động nguồn tài chính cho phát triển rừng sản xuất tại Hòa Bình

Phát triển rừng sản xuất đã có nhiều thành công, diện tích rừng sản xuất tăng hàng năm nhưng vẫn còn nhiều vấn đề khó khăn, đặc biệt là việc huy động tài chính cho phát triển rừng sản xuất. Theo niêm giám thống kê tỉnh Hòa Bình, vốn sản xuất kinh doanh bình quân năm của các doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan từ năm 2014 đến 2016 lần lượt là 380,32 tỷ đồng, 214,33 tỷ đồng, 206 tỷ đồng. Tính đến hết năm 2016, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chưa thu hút được dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài nào.

Tuy nhiên, tỉnh Hòa Bình đã lồng ghép hoạt động phát triển rừng sản xuất với một số chương trình, dự án lớn của Nhà nước như Dự án 661 (giai đoạn 1998 – 2010), Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020; Một số Dự án sử dụng nguồn vốn ODA do Chính phủ các nước tài trợ như dự án Renfoda, KFW7… Ngoài ra, còn nguồn tài chính từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, nguồn vốn đầu tư từ người dân và một số nguồn khác. Một trong những yếu tố thành công là tỉnh Hòa Bình luôn tạo điều kiện cho chủ rừng chủ động tổ chức sản xuất theo hướng xã hội hóa sản xuất lâm nghiệp; các chương trình, dự án lâm nghiệp đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng được quản lý, nghiệm thu chặt chẽ.

Một số nguồn tài chính đầu tư cho phát triển rừng sản xuất tiêu biểu của tỉnh Hòa Bình:

- *Chương trình, dự án đã hỗ trợ vốn cho phát triển rừng sản xuất*: PAM, Chương trình 661, Chương trình 327, Chương trình 135… Nhiều mô hình sản xuất như keo, mỡ, xoan, tre, luồng, cây ăn quả… được chuyển giao cho các xã vùng cao tại 2 huyện Đà Bắc và Cao Phong. Các chính sách này giúp cho diện tích rừng trồng tăng lên rõ rệt. Đến nay, một số diện tích rừng trồng đã và đang đến tuổi khai

thác và góp một phần không nhỏ vào thu nhập của các hộ trồng rừng.

- *Nguồn hỗ trợ từ NSNN cho phát triển rừng sản xuất:* Ngày 01/08/2016, UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND về quy định loài cây, mật độ, mô hình, cơ cấu cây trồng và mức độ hỗ trợ đầu tư thuộc dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hòa Bình giai đọan 2016 – 2020 và các chương trình dự án khác sử dụng vốn hỗ trợ đầu tư từ NSNN trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Mức hỗ trợ từ nhà nước cho trồng rừng sản xuất với 1ha rừng được phân chia: Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất đối với các xã thuộc vùng II, III (Theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ) là: 6.300.000 đồng; Hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất.

- *Nguồn đầu tư, hỗ trợ từ tín dụng:* Năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2015/NĐ-CP về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 (Nghị định 75). Hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn được giao cần bảo vệ rừng hoặc nhận khoán rừng sẽ được hỗ trợ vay vốn không có tài sản bảo đảm đến 50 triệu đồng trong 10 năm để chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác. Các hộ còn được hỗ trợ từ 5 - 10 triệu đồng/ha để mua cây giống, phân bón, chi phí một phần nhân công bằng tiền khi trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ. Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, hộ gia đình nghèo tham gia trồng rừng còn được trợ cấp 15 kg gạo/khẩu/tháng hoặc bằng tiền tương ứng với giá trị 15 kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp trong thời gian chưa tự túc được lương thực trong thời gian không quá 7 năm. Đặc biệt, căn cứ thiết kế - dự toán trồng rừng, các hộ gia đình có thể được hỗ trợ vay vốn không cần tài sản bảo đảm phần giá trị đầu tư còn lại từ Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tối đa 15 triệu đồng/ha với lãi suất 1,2%/năm (từ khi trồng đến khi khai thác tính theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng nhưng không quá 20 năm). Cũng theo Nghị định này, hộ gia đình thực hiện bảo vệ rừng sẽ được hỗ trợ 400.000 đồng/ha/năm; hỗ trợ trồng rừng bổ sung tối đa 1,6 triệu đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 600.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo.

- *Nguồn đầu tư từ người dân, hộ gia đình:* Ngoài phần hỗ trợ trực tiếp từ phía Nhà nước, người dân đã chủ động vay vốn ngân hàng để trồng rừng kinh tế, cả tỉnh có trên 1.000 trang trại lâm nghiệp quy mô vừa và nhỏ, thu nhập từ các trang trại trung bình từ 50 - 60 triệu đồng. Bên cạnh đó, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng rừng sản xuất (kể cả trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, cây đặc sản và cây làm thuốc...) và phát triển các cơ sở chế biến lâm nông sản được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), được vay vốn từ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia, các nguồn vốn tín dụng ưu đãi khác.

Theo kết quả khảo sát với các hộ cá nhân trực tiếp thực hiện trồng rừng sản xuất của nhóm nghiên cứu, loài cây được lựa chọn trồng nhiều nhất hiện nay ở các địa phương của Hòa Bình là cây keo, chi phí cho 1ha trồng keo mới là khoảng 20 triệu đồng/ha. Vì vậy, với chi phí cho 1 ha trồng keo ở trên so với mức hỗ trợ từ NSNN thì người trồng rừng cần phải tự huy động vốn đầu tư tương đối lớn để có thể thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh từ rừng.

Bảng 5. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển rừng sản xuất của hộ gia đình

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
1	Diện tích trồng rừng sản xuất	Ha	13.882	7.407
2	Nguồn vốn đầu tư	1000 đồng	274.965	103.653
	- Tự đầu tư	*1000 đồng*	*274.965*	*38.406*
	- Dịch vụ môi trường rừng	*1000 đồng*		*65.247*

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo theo Quyết định 241.

- *Đầu tư từ các doanh nghiệp:* Hòa Bình hiện có 264 cơ sở chế biến, tiêu thụ lâm sản lớn, nhỏ và đã tiêu thụ cơ bản sản lượng gỗ hằng năm của các địa phương trong tỉnh... Cùng với việc trồng rừng, Công ty lâm nghiệp Hòa Bình đã đầu tư 20 tỷ đồng xây dựng nhà máy ván gỗ ép thanh có công suất 300 nghìn m3 gỗ nguyên liệu/năm, chủ yếu tiêu thụ gỗ nguyên liệu cho người dân trong khu vực.

3.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới huy động nguồn tài chính cho phát triển rừng sản xuất tại Hòa Bình

Để tìm hiểu, phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ sẵn lòng đầu tư tài chính cho phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình, tác giả đã tiến hành khảo sát 120 người là người dân nhận giao khoán, cán bộ công ty Lâm nghiệp… trên cơ sở sử dụng thang đo thái độ Likert 5 mức độ để khảo sát ý kiến nhận định của mỗi người về vấn đề này. Tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA để nhận diện các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của những nhân tố đó đến mức sẵn lòng đầu tư tài chính cho phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình.

Tiến hành kiểm định chất lượng thang đo bằng kiểm định Cronbach Alpha cho thấy 5 thang đo đều đạt được tiêu chuẩn chất lượng (trị số Cronbach Alpha tổng thể của các thang đo này lớn hơn 0,6).

Sử dụng phương pháp kiểm định KMO đối với bảng các ***nhân tố độc lậ***p cho kết quả KMO = 0,789, thoả mãn điều kiện 0,5 < KMO < 1, do vậy có thể kết luận là phân tích nhân tố khám phá là thích hợp cho dữ liệu thực tế.

Kiểm định Bartlett có kết quả Sig. < 0,05 nên các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

Kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát đối với nhân tố đại diện cho biết trị số phương sai trích là 71,227%. Điều này có nghĩa là 71,227% thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến đặc trưng (thành phần của Factor).

Kết quả của phân tích mô hình EFA lần thứ 1, các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5. Có 3 nhân tố đại diện cho sự sẵn lòng tham gia đóng góp tài chính cho *phát triển rừng sản xuất tại Hòa Bình* với các biến đặc trưng của nhân tố được sắp xếp lại khác với mô hình lý thuyết ban đầu.

Như vậy có 3 nhân tố đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ sẵn lòng tham gia đóng góp tài chính cho *phát triển rừng sản xuất tại Hòa Bình* với các biến đặc trưng của nhân tố được sắp xếp lại khác với mô hình lý thuyết ban đầu như sau:

- Nhân tố 1 (Component 1) bao gồm các biến: CP1, CP2, CP3, NL1, NL2, NL3. Đặt tên cho nhân tố này là X1 (Chi phí đầu vào và nội lực của nhà đầu tư).

- Nhân tố 2 (Component 2) bao gồm các biến: LT1, LT2, LT3, LT4, LT5, LT6. Đặt tên cho nhân tố này là X2 (Lợi thế khi đầu tư phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình).

- Nhân tố 3 (Component 3) bao gồm các biến: CD1, CD2, CD3, CD4. Đặt tên cho nhân tố này là X3 (Chế độ chính sách ưu đãi, khuyến khích của Nhà nước với phát triển rừng sản xuất).

Các nhân tố X1, X2, X3 cũng được định lượng bằng tính điểm trung bình của các biến quan sát nằm trong nhân tố đó.

Để nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia đóng góp tài chính vào phát triển rừng sản xuất, mô hình tương quan tổng thể có dạng:

$$Y = f(X1, X2, X3)$$

Trong đó, Y là biến phụ thuộc; X1, X2, X3 là biến độc lập.

Việc xem xét yếu tố nào thật sự tác động đến mức độ tham gia đóng góp tài chính thực hiện chương trình một cách trực tiếp sẽ được thực hiện bằng phương trình hồi quy tuyến tính:

$$Y = b_0 + b_1 X1 + b_2 X2 + b_3X3 + e_i$$

Trong đó các biến đưa vào phân tích hồi quy được xác định bằng cách tính điểm của nhân tố. Nhân tố thứ I, được xác định

$X_i = W_{I1}F1 + \ldots + W_{Ik}\, Fi$

WIk: hệ số nhân tố;

Fi: biến quan sát trong nhân tố thứ i.

Sử dụng SPSS – Reression Analysis có kết quả được nêu trên bảng 6 và 7:

Bảng 6. Kiểm định hệ số hồi quy (Model Summary)

Model Summary[b]					
Model	**R**	**R Square**	**Adjusted R Square**	**Std. Error of the Estimate**	**Durbin-Watson**
1	.721[a]	.520	.508	.7014	1.822

a. Predictors: (Constant), X3, X2, X1

b. Dependent Variable: Y

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS.

Bảng 7. Hệ số hồi quy (Coefficients)

Coefficients[a]								
Model		**Unstandardized Coefficients**		**Standardized Coefficients**	**t**	**Sig.**	**95,0% Confidence Interval for B**	
		B	**Std. Error**	**Beta**			**Lower Bound**	**Upper Bound**
1	(Constant)	2.092E-17	.062		.000	1.000	-.123	.123
	X1	.456	.062	.456	7.331	.000	.333	.580
	X2	.490	.062	.490	7.868	.000	.367	.613
	X3	.267	.062	.267	4.297	.000	.144	.391

a. Dependent Variable: Y

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS.

Bảng 6 cho thấy mô hình có R^2 điều chỉnh là 0,508. Điều này có nghĩa là 50,8% thay đổi của Mức độ sẵn sàng tham gia đóng góp cho phát triển rừng sản xuất được giải thích bởi các biến X1, X2, X3.

Mô hình hồi quy có dạng: $Y = 0,456*X1 + 0,490*X2 + 0,267*X3 + 2.092E^{-17}$

- Cả 3 biến (X1, X2, X3) đảm bảo có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 95% (Significance < 0,05).

- Biến X1 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,456. Điều này có nghĩa là khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về Chi phí đầu vào và nội lực của nhà đầu tư thì mức độ sẵn lòng tham gia đầu tư cho phát triển RSX tăng thêm 0,456 điểm.

- Biến X2 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,490. Điều này có nghĩa là khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về Lợi thế khi đầu tư phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình thì mức độ sẵn lòng tham gia đầu tư cho phát triển RSX tăng thêm 0,490 điểm.

- Biến X3 có hệ số tương quan chưa được chuẩn hóa là 0,267. Điều này có nghĩa là khi tăng thêm 1 điểm đánh giá về Chế độ chính sách ưu đãi, khuyến khích của Nhà nước với phát triển rừng sản xuất thì mức độ sẵn lòng tham gia đầu tư cho phát triển RSX tăng thêm 0,267 điểm.

Vị trí quan trọng của các yếu tố thể hiện qua bảng 8.

Bảng 8. Vị trí quan trọng của các yếu tố

TT	Tên yếu tố	Giá trị tuyệt đối	Tỷ trọng (%)
1	X1 (Chi phí đầu vào và nội lực của nhà đầu tư).	0,456	37,59
2	X2 (Lợi thế khi đầu tư phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình)	0,490	40,39
3	X3 (Chế độ chính sách ưu đãi, khuyến khích của Nhà nước với phát triển rừng sản xuất)	0,267	22,02
	Tổng	**1,213**	**100**

Nguồn: Tính toán từ Kết quả phân tích SPSS.

3.4. Những thành công và tồn tại

a. Những thành công

Việc trồng rừng kinh tế ở các địa phương đã góp phần giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập, xóa đói - giảm nghèo cho nhiều hộ nông dân, nhất là đồng bào các dân tộc miền núi.

Đã có nhiều dự án đầu tư cho trồng rừng được thực hiện thành công ở Hòa Bình góp phần tạo lòng tin với các hộ trồng rừng.

Tiềm năng để phát triển lâm nghiệp rất lớn (trừ những thị trấn) như quỹ đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ cao so với diện tích đất tự nhiên, số lượng trang trại lâm nghiệp lớn và có xu hướng tăng.

Hòa Bình còn có những cơ chế, chính sách thu hút, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư mở cơ sở chế biến, tiêu thụ lâm sản tại địa phương, tiếp tục tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho người dân trong khu vực.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh đang phát triển mô hình lâm nghiệp quy mô nhỏ và đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đặc biệt trên địa bàn 2 huyện Cao Phong và Đà Bắc.

b. Những tồn tại, hạn chế

Việc trồng rừng thời gian đầu tư dài, vận chuyển sản phẩm khó khăn nên giá bán cây lâm nghiệp thấp làm cho đời sống các hộ trồng rừng còn khó khăn.

Chưa có cơ chế để thu hút doanh nghiệp đầu tư vốn vào lâm nghiệp.

Vốn đầu tư lớn, thời gian đầu tư dài ảnh hưởng nhiều đến hộ nghèo và hộ thiếu vốn đầu tư để thực hiện trồng rừng mới và trồng lại rừng.

Hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn chủ yếu là theo quy mô hộ gia đình nên quy mô khá nhỏ.

Công tác quản lý, giao đất lâm nghiệp ở Hòa Bình cũng còn những bất cập gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình trồng, khai thác và bảo vệ rừng.

3.5. Môt số giải pháp hoàn thiện công tác huy động nguồn lực tài chính phát triển rừng sản xuất tỉnh Hòa Bình

Cần có các chính sách phù hợp để thu hút vốn đầu tư vào phát triển rừng sản xuất trên địa bàn, đặc biệt là vốn từ doanh nghiệp, nhà đầu tư có tiềm lực tài chính lớn. Thực hiện nghiêm túc, đúng và đầy đủ các quy định hiện hành để tạo sự yên tâm cho nhà đầu tư góp phần thu hút các nhà đầu tư, các nguồn lực vào phát triển rừng sản xuất trên địa bàn.

Cần có các phương án sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ NSNN để thực hiện phát triển rừng sản xuất.

Cần quan tâm việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để thâm canh rừng và chú trọng trồng cây bản địa, cây dược liệu, đa dạng các loại cây trồng và tạo sự ổn định bền vững cho rừng.

Thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng như: dịch vụ bảo vệ đất, bảo vệ và duy trì nguồn nước, kinh doanh du lịch sinh thái, hấp thụ và lưu giữ các bon để tăng nguồn thu ngoài ngân sách Nhà nước.

Làm tốt công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ lâm sản rừng trồng. Một trong những hướng đi hiện nay là tăng cường và phát triển công nghệ chế biến lâm sản.

4. KẾT LUẬN

Nguồn lực tài chính là yếu tố gắn kết và phát huy hiệu quả của các nguồn lực khác như nguồn nhân lực, vật lực và có vai trò quyết định đối với sự phát triển lâm nghiệp nói chung và hệ thống rừng sản xuất nói riêng.

Qua nghiên cứu thực trạng cho thấy tỉnh Hòa Bình đã có nhiều chính sách khuyến khích phát triển nghề rừng, tạo sự yên tâm và niềm tin cho người trồng rừng. Ngoài ra, tỉnh còn có những cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư vào phát triển rừng sản xuất trên địa bàn tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư mở cơ sở chế biến, tiêu thụ lâm sản tại địa phương, tiếp tục tạo thêm việc làm và thu nhập ổn định cho người dân trong khu vực.

Kết quả nghiên cứu những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình cho thấy có ba nhân tố ảnh hưởng chính, đó là: (1) chi phí đầu tư và nội lực đầu tư, (2) Lợi thế khi đầu tư phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình, (3) Chế độ chính

sách ưu đãi, khuyến khích của Nhà nước với phát triển rừng sản xuất.

Từ việc nghiên cứu thực trạng huy động các NLTC cho phát triển rừng sản xuất tại Hòa Bình, nhóm tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác huy động nguồn lực tài chính cho phát triển rừng sản xuất ở Hòa Bình trong giai đoạn tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2013). *Báo cáo phát triển ngành Lâm nghiệp.*
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2013). *Đề án tăng cường thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp giai đoạn 2014 - 2020, định hướng 2030.*
3. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2015). *Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011- 2015, Báo cáo ngày 9 tháng 12 năm 2015.*
4. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2017). *Báo cáo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020; tổng kết 04 năm thực hiện dự án Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc, Báo cáo ngày 20/07/2017.*
5. Hà Công Tuấn (2015). *Nhìn lại lâm nghiệp Việt nam giai đoạn 2011 - 2015, định hướng phát triển bền vững đến năm 2020.*

FACTORS AFFECTING THE WILLINGNESS TO INVEST IN PRODUCTION FOREST DEVELOPMENT IN HOA BINH PROVINCE

Bui Thi Minh Nguyet[1], Truong Tat Do[2], Doan Thi Han[1], Nguyen Thi Thanh Huyen[1], Nguyen Thuy Dung[1], Dao Thi Hong[1]

[1]*Vietnam National University of Forestry*

[2]*Vietnam Administration of Forestry*

SUMMARY

Forest has an important role in the socio - economic life of nations, not only in the field of economics but also in the fields of society, environmental protection. However, in the process of developing forests in general and developing production forests in particular, there are certain difficulties in mobilizing financial resources. In recent years, Hoa Binh province has mobilized some resources to develop production forests, but the result is too small for the development. In this study, the authors will analyze and analyze the situation of mobilizing financial resources, give the factors influencing the results of mobilization in the past, Identify the success and survival. From there, propose some solutions to effectively mobilize financial resources to develop production forests in Hoa Binh and other provinces in the country.

Keywords: Finance, production forest, production forest development.

Ngày nhận bài : 21/02/2019

Ngày phản biện : 27/3/2019

Ngày quyết định đăng : 03/4/2019